

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/3/2020

V/v “Ly hôn giữa chị M và anh D”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 387/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST - HNGĐ ngày 26/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1996 (có mặt);

Nơi cư trú: thôn V, xã P, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: anh Trần Văn D, sinh năm 1984(vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn H, xã HĐ, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương M trình bày:

Chị và anh Trần Văn D kết hôn ngày 13/9/2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang, được khoảng hai tháng thì chuyển ra Hà Nội làm ăn, sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng một tháng sau khi cưới vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không bản ban nhau là ăn được, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 6/2019 đến nay chị và anh D sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn thì vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải động viên nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Hoài A, sinh ngày 05/01/2019, hiện chị đang nuôi dưỡng. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M có mặt và giữ nguyên yêu cầu trên.

Tại biên bản tự khai ngày 10/12/2019, bị đơn anh Trần Văn D trình bày: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh thì quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến áp lực trong cuộc sống, có nhiều lúc anh nặng lời với chị nên chị M đã không thông cảm cho anh. Chị M và anh sống ly thân từ tháng 25/6/2019 cho đến nay. Anh đã nhiều lần khuyên chị M về đoàn tụ nhưng chị kiên quyết không về chung sống cùng anh. Nay anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Hoài A, sinh ngày 05/01/2019. Nếu cương quyết ly hôn thì anh xin được nuôi dưỡng con chung.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh và không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, chưa chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của , xử được ly hôn anh D; Con chung: tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Hoài A, sinh ngày 05/01/2019. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng .

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: không xem xét giải quyết; Về án phí: phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 04 tháng 12 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương M với bị đơn là anh Trần Văn D cư trú tại thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang

là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Trần Văn D: anh Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D là phù với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[3] Về tình cảm vợ chồng: chị Nguyễn Thị Phương M và anh Trần Văn D kết hôn ngày 13/9/2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang, được khoảng hai tháng thì chuyển ra Hà Nội làm ăn, sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng một tháng sau khi cưới vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về mặt tình cảm và làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 6/2019 đến nay chị M và anh D sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải động viên nhiều lần để vợ chồng chị hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên chị xin ly hôn anh D. Anh D thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về kinh tế và bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ ngày 25/6/2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh đối với gia đình chị M, anh D và chính quyền địa phương cung cấp chị M và anh D có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Xét thấy, cuộc sống chung của , anh D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng và anh D có 01 con chung là Trần Hoài A, sinh ngày 05/01/2019. và anh D đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: hiện cháu Trần Hoài A đang do trực tiếp nuôi dưỡng, cháu A còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ hơn. Tại phiên tòa đề nghị được tiếp tục nuôi con chung là yêu cầu chính đáng và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung và quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình nên cần giao cho tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: cho chị Nguyễn Thị Phương M được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Phương M tiếp tục nuôi con Trần Hoài A, sinh ngày 05/01/2019. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn anh D có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Phương M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006080 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục T.H.A Tân Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã HĐ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Bùi Tư Duy